

SAFETY DATA SUMMARY

Tóm tắt dữ liệu an toàn

AkzoNobel V388 Curing Agent

Chất đóng rắn AkzoNobel V388

SUMMARY ONLY — NOT A REGULATORY SDS / CHỈ LÀ BẢN TÓM TẮT — KHÔNG PHẢI SDS PHÁP LÝ

This SIHE supplier summary gives selected safety information from the named Vietnam-market SDS versions. It does not replace the complete, applicable current SDS, a chemical label, workplace assessment, transport document or emergency plan. Request the full SDS for the exact product, destination market and language before purchase, shipment, storage or use.		Bản tóm tắt do SIHE biên soạn với vai trò nhà cung cấp trình bày thông tin an toàn chọn lọc từ các phiên bản SDS thị trường Việt Nam đã nêu. Tài liệu không thay thế SDS đầy đủ hiện hành phù hợp, nhãn hóa chất, đánh giá nơi làm việc, chứng từ vận chuyển hoặc kế hoạch khẩn cấp. Yêu cầu SDS đầy đủ cho đúng sản phẩm, thị trường và ngôn ngữ trước khi mua, vận chuyển, lưu kho hoặc sử dụng.
Compiled and supplied by / Biên soạn và cung cấp bởi	Sihe International Composite Materials Co., Ltd.	
Version / Phiên bản	2.0 · 2026-09-05	
Source product / Sản phẩm trên tài liệu nguồn	TRIGONOX V388	
Source issuer / Đơn vị phát hành tài liệu nguồn	Nouryon Functional Chemicals B.V.	

Product Data Sheet TRIGONOX V388 (footer date 2025-02-04); Vietnam-market source SDS version 3.2, revision 2025-01-28. Source issuer: Nouryon Functional Chemicals B.V. SIHE compilation date: 2026-09-05.

Major hazards / Nguy cơ chính

Flammable liquid - Category 3 Organic peroxide - Type D Acute toxicity - Oral Category 4; Inhalation Category 4; Dermal Category 5 Skin corrosion - Category 1B; serious eye damage - Category 1 Acute aquatic hazard - Category 2 H226 Flammable liquid and vapour. H242 Heating may cause a fire. H302 + H332 Harmful if swallowed or if inhaled. H313 May be harmful in contact with skin. H314 Causes severe skin burns and eye damage. H401 Toxic to aquatic life.	Chất lỏng dễ cháy - Cấp 3 Peroxyt hữu cơ - Kiểu D Độc cấp tính - Đường miệng Cấp 4; hít phải Cấp 4; da Cấp 5 Ăn mòn da - Cấp 1B; tổn thương mắt nghiêm trọng - Cấp 1 Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh - Cấp 2 H226 Hơi và chất lỏng dễ cháy. H242 Gia nhiệt có thể gây cháy. H302 + H332 Có hại nếu nuốt phải hoặc hít phải. H313 Có thể có hại khi tiếp xúc với da. H314 Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt. H401 Độc đối với sinh vật thủy sinh.
---	--

Handling and prevention / Sử dụng và phòng ngừa

Keep only in original packaging, away from heat, sunlight, ignition and incompatible materials. Avoid breathing mist or vapour. Provide effective ventilation; use protective gloves, clothing, eye and face protection. Do not eat, drink or smoke while using the product. Never mix organic peroxide directly with cobalt accelerator.

Chỉ giữ sản phẩm trong bao bì gốc, tránh nhiệt, ánh nắng, nguồn cháy và vật liệu không tương thích. Tránh hít hơi sương hoặc hơi. Bảo đảm thông gió hiệu quả; dùng găng, quần áo bảo hộ, bảo vệ mắt và mặt. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng. Không trộn trực tiếp peroxide hữu cơ với chất xúc tiến cobalt.

Exposure or emergency / Phơi nhiễm hoặc khẩn cấp

Obtain immediate medical attention after serious exposure. If swallowed, rinse mouth and do not induce vomiting. If on skin, remove contaminated clothing and rinse with water. If inhaled, move to fresh air. If in eyes, rinse cautiously, remove contact lenses if easy, and continue rinsing. Contact a poison centre or doctor immediately. Use the full SDS and its emergency contact details; the SIHE sales number is not a 24-hour emergency service.

Tìm sự chăm sóc y tế ngay sau phơi nhiễm nghiêm trọng. Nếu nuốt phải, súc miệng và không gây nôn. Nếu dính vào da, cởi quần áo nhiễm bẩn và rửa bằng nước. Nếu hít phải, đưa ra nơi thoáng khí. Nếu dính vào mắt, rửa cẩn thận, tháo kính áp tròng nếu dễ thực hiện và tiếp tục rửa. Gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ ngay. Dùng SDS đầy đủ và thông tin liên hệ khẩn cấp trong đó; số bán hàng SIHE không phải dịch vụ khẩn cấp 24 giờ.

Fire, spills and disposal / Cháy, tràn đổ và chất thải

Use water spray, alcohol-resistant foam, dry chemical or carbon dioxide as specified by the source SDS. Keep unauthorised people away. Prevent discharge to drains or the environment. Use only inert inorganic absorbent such as vermiculite or perlite, keep the absorbed mixture wetted with water, and avoid confinement. Never return spilled material to the original container. Dispose through an approved hazardous-waste facility.

Theo SDS nguồn, dùng tia nước, bọt chịu cồn, hóa chất khô hoặc carbon dioxide. Giữ người không có nhiệm vụ ở xa. Ngăn chảy vào cống hoặc môi trường. Chỉ dùng chất hấp thụ vô cơ trơ như vermiculite hoặc perlite; giữ hỗn hợp đã hấp thụ ẩm bằng nước và tránh giam kín. Không đưa chất tràn đổ trở lại thùng gốc. Xử lý qua cơ sở chất thải nguy hại được phê duyệt.

Thermal stability and storage / Ổn định nhiệt và lưu trữ

SADT: 55 °C. Maximum recommended storage temperature: 25 °C. The maximum storage temperature is a quality-related limit. SADT is not a safe storage target; incompatible substances can cause decomposition below it. Follow the exact SDS for storage segregation, PPE, transport and local obligations.

SADT: 55 °C. Nhiệt độ lưu trữ tối đa khuyến nghị: 25 °C. Nhiệt độ lưu trữ tối đa là giới hạn liên quan đến chất lượng. SADT không phải nhiệt độ lưu trữ an toàn; chất không tương thích có thể gây phân hủy dưới mức này. Tuân thủ SDS đúng sản phẩm về phân khu lưu trữ, PPE, vận chuyển và nghĩa vụ địa phương.

Source identity and revision / Danh tính nguồn và phiên bản

Compiled and supplied by SIHE; product brand: AkzoNobel. Source product and issuer remain TRIGONOX V388 / Nouryon Functional Chemicals B.V. This R2 summary replaces SIHE-SDSC-V388-ENVI-R1 (1.0, 2026-08-11). The updated SIHE date is not a new source-SDS issue date. The summary intentionally selects principal hazards, prevention and response; consult the complete SDS for composition, exposure limits, detailed toxicology, transport and regulatory information.

Do SIHE biên soạn và cung cấp; thương hiệu sản phẩm: AkzoNobel. Tên sản phẩm và đơn vị phát hành trên tài liệu nguồn giữ nguyên. R2 thay thế R1 (1.0, 2026-08-11). Ngày cập nhật của SIHE không phải ngày phát hành mới của SDS nguồn. Bản tóm tắt chọn lọc nguy cơ chính, phòng ngừa và ứng phó; xem SDS đầy đủ về thành phần, giới hạn phơi nhiễm, độc tính, vận chuyển và pháp luật.

[Request current full SDS \(English\)](#)

[Yêu cầu SDS đầy đủ hiện hành \(Tiếng Việt\)](#)

+84 326 051 733 · sales@sihecomposites.com · Commercial contact / Liên hệ thương mại